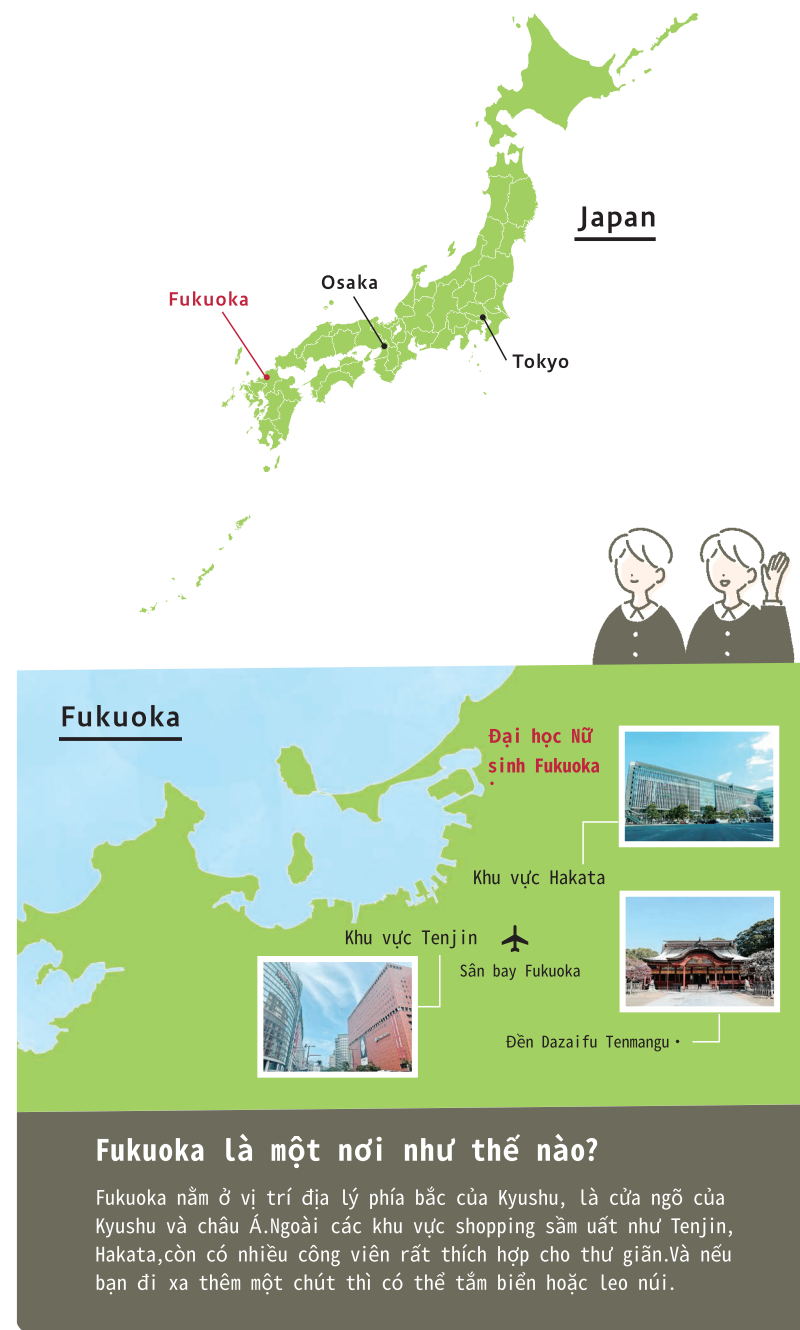


FUKUOKA WOMEN'S
UNIVERSITY

INTERNATIONAL STUDENTS
START BOOK
2026





Về Đại học Nữ sinh Fukuoka



Đại học Nữ sinh Fukuoka chỉ có một khoa duy nhất là Khoa Khoa học tự nhiên xã hội và nhân văn Quốc tế.

Tại tất cả các ngành học, đào tạo tổng hợp các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, Các sinh viên được nâng cao được kiến thức chuyên ngành cần thiết và năng lực tổng hợp của con người đủ để hòa nhập với cộng đồng Quốc tế.



Dự kiến tái cơ cấu vào tháng 4 năm 2027

Dự kiến sẽ ngừng tuyển sinh ngành Khoa học Môi trường từ năm học 2026. Từ năm học 2027, dự kiến sẽ thành lập ngành Kỹ thuật Môi trường (tên tạm thời) và ngành Kỹ thuật Thông tin và Đời sống (tên tạm thời).

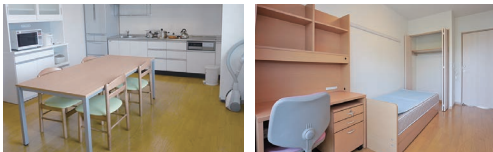
※Kế hoạch thành lập là theo dự kiến và có thể có sự thay đổi.

Tại sao lại sống ở ký túc xá?

Vào thời điểm nhập học, tất cả các sinh viên năm thứ 1 sẽ vào sống tại "Ký túc xá sinh viên Quốc tế Nadeshiko", nơi mà các du học sinh và sinh viên Nhật Bản sẽ cùng sinh hoạt, ký túc xá sinh viên vừa là "nơi sinh hoạt" vừa là "nơi giáo dục". Thông qua việc sinh hoạt cùng với sinh viên Nhật Bản, bạn có nhiều cơ hội để nuôi dưỡng tính tích cực, tính tự chủ, năng lực hành động của mình.

Căn hộ unit 4 người gồm các phòng ngủ riêng có ban công.

Trong 1 căn hộ unit (4 sinh viên dùng chung) sẽ có 1 du học sinh (sinh viên năm 1 ~ năm 4) và 3 sinh viên Nhật Bản (sinh viên năm 1) sinh hoạt cùng nhau, qua đó các sinh viên có thể trang bị cho mình năng lực xây dựng các mối quan hệ, hiểu rõ hơn về các nền văn hóa khác nhau, và kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ. Các du học sinh được kỳ vọng sẽ có những đóng góp cho việc giao lưu với sinh viên Nhật Bản và Quốc tế hóa trường đại học.



Hoàn thiện môi trường cần thiết để bắt đầu cuộc sống mới

Có sẵn giường và bàn ghế trong phòng. Bạn không cần thiết phải sắm mọi thiết bị khi vào ký túc xá. Hãy sắm sửa dần dần, đó cũng là niềm vui và tiết kiệm về mặt kinh tế.

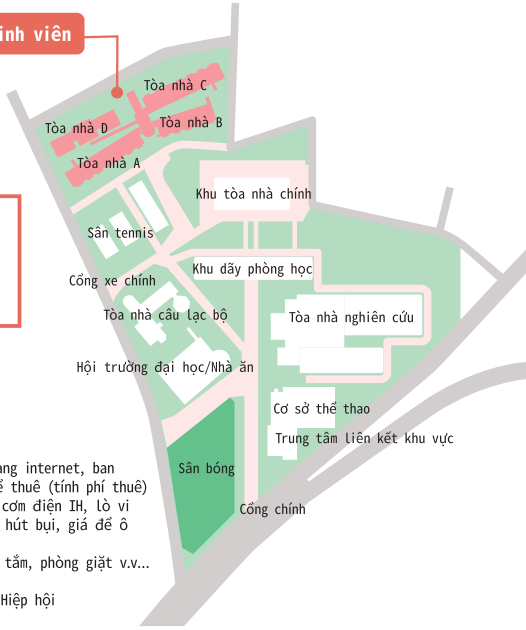
Ký túc xá rất tiện lợi cho việc học tập vì chỉ cần di chuyển trong khuôn viên trường.

Vì ký túc xá nằm ngay trong khuôn viên trường nên không tốn thời gian đi lại, bạn có thể tập trung vào học tập và tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ ngoại khóa, cũng như thoải mái sử dụng thời gian riêng của bản thân. Trường đã hoàn thiện môi trường và trang thiết bị đầy đủ cho cuộc sống mới, có đủ hệ thống hỗ trợ vận hành và đảm bảo an ninh trong ký túc xá. Các sinh viên có thể an tâm khi sinh hoạt tại đây.

●Chi phí: 15,000 yên/tháng 180.000 yên/năm Phí dọn dẹp (trả trước, tính theo chi phí thực tế) được thu riêng khi vào ở
(Bao gồm phí sử dụng ký túc xá, phí hoạt động và phí duy trì/ phí gia hạn, phí điện nước gas và phí sử dụng đường truyền internet) ※Phí thuê chăn ga gối đệm tính riêng (dành cho người có nhu cầu)

●Dữ liệu về ký túc xá

Sức chứa	340 người ※4 người sử dụng 1 căn hộ unit 40K (4 phòng ngủ + sử dụng chung phòng ăn và bếp, nhà tắm, toilet) x 85 unit (tòa nhà 6 tầng) Tòa nhà A - C
Diện tích	[Phòng riêng] khoảng 6 tấc chiều tatami [1 unit tương đương] 182,40m ²
Tiện nghi	[Phòng riêng] Điều hòa, bàn (có đèn chiếu sáng và kệ sách), ghế, tủ quần áo, giường ngủ (có ngăn đựng đồ), mạng internet, ban công (có sào phơi đồ, giàn phơi đồ) ※ Đồ dùng phòng ngủ như chăn nệm, gối v.v... phải tự chuẩn bị hoặc có thể thuê (tính phí thuê) [Khu vực chung trong từng căn hộ] ※ Dùng chung cho 4 người) Phòng bếp (bếp điện từ IH, bồn rửa, tủ lạnh, nồi cơm điện IH, lò vi sóng, âm điện, ấm đun nước, bàn ăn), phòng tắm (có vòi sen), điều hòa, bồn rửa mặt, nhà vệ sinh, máy giặt, máy hút bụi, giá để ô dù, tủ đựng giày, điện thoại nội bộ v.v... Ngoài ra, khu vực sinh viên ký túc xá có thể sử dụng chung Sảnh lớn, phòng họp, khu vực bếp công cộng, buồng tắm, phòng giặt v.v...
Ăn uống	Tự túc 3 bữa ăn. Có thể sử dụng nhà ăn sinh viên từ 11:30 đến 13:30 các ngày trong tuần. Cửa hàng J Shop của Hiệp hội University Co-op mở cửa từ 8:30 đến 17:00 các ngày trong tuần.※Thời gian hoạt động có thể thay đổi.
Quản lý / an ninh	Hệ thống khóa cửa tự động (lỗi vào chính) bằng thẻ từ, hệ thống an ninh có camera giám sát, nhân viên bảo vệ, nhân viên quản lý thường trực. Thời gian ra vào ký túc xá: từ 5:00 đến 23:00 (giờ giới nghiêm: 23:00) Ở ngoài qua đêm vào các ngày trong tuần khi vắng trong học kỳ là không được phép.



Tình hình tìm việc làm sau khi ra trường ra sao?

Năm tài khoá 2024 100% (sinh viên học tiếp lên cao học: 2 người)

►Các công ty chủ yếu:
INTELLIGENT NETWORK OF SOLUTION CO.,LTD., EXEO Digital Solutions, Inc, SUS Co., Ltd., CROSS HEAD, Cross Marketing Group Inc, DAIICHI JITSUGYO CO., LTD., TOSHIBA CORPORATION, Fukuoka International Airport Co.,Ltd., Renesas Electronics Corporation, Rakuten Securities, Inc.

►Các trường chủ yếu:
Đại học Nữ sinh Fukuoka, Trường Cao học Nghiên cứu Tổng hợp

Số du học sinh tốt nghiệp là 20 người. Ngành Giáo dục Quốc tế: 6 sinh viên có nguyện vọng tìm việc và đều nhận được quyết định tuyển dụng sau khi đi tìm việc. Ngành Khoa học môi trường: 3 sinh viên có nguyện vọng tìm việc và cả 2 đều nhận được quyết định tuyển dụng. Ngành Thực phẩm và Sức khỏe: 2 sinh viên có nguyện vọng tìm việc và cả 2 đều nhận được quyết định tuyển dụng. Ngoài ra, 2 sinh viên ngành Khoa học Môi trường đã học tiếp lên bậc cao hơn.



Về sự hỗ trợ



Sau khi vào học tại trường, có cơ hội học tiếng Nhật hay không?

Chúng tôi cung cấp nhiều cơ hội học tại trường và ngoài trường để nâng cao năng lực tiếng Nhật cần thiết và các kỹ năng học tập bằng tiếng Nhật. Các chương trình giảng dạy tiếng Nhật phù hợp với mỗi cá nhân sẽ giúp sinh viên phát huy tốt nhất khả năng của mình.



Chương trình giảng dạy tiếng Nhật (Chương trình tiếng Nhật học thuật/ nghề nghiệp)

Là chương trình giảng dạy tiếng Nhật dành cho du học sinh, thực hiện trong năm thứ 1 và năm thứ 2. Cùng với việc giảng dạy truyền thụ 4 kỹ năng “nghe” “nói” “đọc” “viết” tiếng Nhật, sinh viên sẽ nhận được các kiến thức cơ bản cần thiết cho cuộc sống tại Nhật Bản, và hướng tới mục tiêu phát biểu bằng tiếng Nhật và viết luận văn ngắn theo hình thức luận văn học thuật.

Chúng tôi không đặt điều kiện ứng tuyển cần phải tham gia thi “Kỳ thi năng lực tiếng Nhật”

Điều kiện ứng tuyển không bắt buộc bạn phải tham gia thi “Kỳ thi năng lực tiếng Nhật” do Hiệp hội hỗ trợ giáo dục Quốc tế Nhật Bản và Quỹ Giao Lưu Quốc tế tổ chức, nhưng bạn cần phải có đủ năng lực nghe hiểu tiếng Nhật để có thể nắm được các bài giảng bằng tiếng Nhật, vì vậy hãy cố gắng học tiếng Nhật nhé.

Trường có chế độ hỗ trợ trong sinh hoạt cho sinh viên không?

Chúng tôi có chế độ hỗ trợ trên nhiều mặt để giúp đỡ du học sinh làm quen với cuộc sống tại Nhật Bản và có thể bắt đầu cuộc đời sinh viên một cách suôn sẻ. Bạn có thể nắm bắt các cách diễn đạt hội thoại của Nhật Bản và năng lực giao tiếp, đồng thời kết bạn với người Nhật.



Người hỗ trợ du học sinh JD-Mates

Chúng nhận JD-Mates (Joshi-Dai Mates) cho các sinh viên Nhật Bản hỗ trợ du học sinh. Về nguyên tắc, mỗi 1 du học sinh sẽ có 1 JD-Mates kèm cặp, sẽ hỗ trợ du học sinh về mặt sinh hoạt và học tập, như trợ giúp làm các thủ tục vào Nhật Bản, vào ký túc xá, mở tài khoản tại ngân hàng, thủ tục về bảo hiểm, hỗ trợ du học sinh về mặt sinh hoạt và học tập.

Tiếp nhận du học sinh nước ngoài

Quốc gia/khu vực	Đại học	Cao học
Hàn Quốc	14	1
Trung Quốc	12	15
Đài Loan	—	1
Việt Nam	2	—
Malaysia	4	1
Thái Lan	2	—
Myanmar	1	—
Đức	—	1
Serbia	—	1

Số du học sinh nước ngoài	Đại học	35 người	Cao học	20 người
Tổng số sinh viên	Đại học	1,037 người	Cao học	48 người

Thời điểm tháng 5/2025

Có chương trình hỗ trợ về mặt tài chính cho du học sinh không?

Tất cả du học sinh đều được miễn giảm toàn phần phí nhập học, do vậy gánh nặng về tài chính được giảm nhẹ. Ngoài ra, đối với các du học sinh có thành tích tốt cũng được miễn giảm học phí. Chúng tôi nhiệt thành cổ vũ các du học sinh thật sự cố gắng.

Phí nhập học	Học phí (1 năm)	Phí ký túc xá	Phí bảo hiểm	Phí khu dân cư	Phí hội viên	Tổng (không bao gồm tiền học, và phí dọn dẹp)
520.000 yên Miễn toàn bộ	535.800 yên Có chế độ miễn	180.000 yên (Nửa kỳ 90.000 yên) Phí dọn dẹp (trả trước, tính theo chi phí thực tế) được thu riêng khi vào ở	Ngành Giáo dục Quốc tế 40.060 yên/4 năm Ngành Khoa học môi trường 40.060 yên/4 năm Ngành Thực phẩm và Sức khỏe 40.130 yên/4 năm	15.000 yên /4 năm	Phí nhập hội/ 40.000 yên Phí hội viên hàng năm/ 10.000 yên	Ngành Giáo dục Quốc tế 285.060 yên Ngành Khoa học môi trường 285.060 yên Ngành Thực phẩm và Sức khỏe 285.130 yên

Đối với các du học sinh đạt được các thành tích học tập như trong mục (1) và (2) sau đây, sẽ được miễn giảm học phí.

(1) Đối với sinh viên năm 1 sẽ dựa vào kết quả thi đầu vào để chọn.

Miễn giảm toàn phần

Trường hợp đạt mục A hoặc B sau đây(tối đa 10 người)

- A. Điểm môn tiếng Nhật của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) nằm trong top 20 của tất cả số thí sinh, và 1 môn thi khác có điểm trên điểm trung bình
B. Một trong những điểm số (score) của các chứng chỉ/ trình độ tiếng Anh trong bảng dưới đây cao hơn tiêu chuẩn miễn giảm toàn phần

Miễn giảm một nửa

Trường hợp đạt mục A hoặc B sau đây(tối đa 10 người)

- A. Điểm môn tiếng Nhật của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) nằm trong top 30 của tất cả số thí sinh, và 1 môn thi khác có điểm trên điểm trung bình
B. Một trong những điểm số (score) của các chứng chỉ/ trình độ tiếng Anh trong bảng dưới đây cao hơn tiêu chuẩn miễn giảm một nửa

	Miễn giảm toàn phần	Miễn giảm một nửa
TOEFL iBT®	Trên 72	Trên 57
TOEIC® L&R, S&W	Trên 1560	Trên 1350
IELTS	Trên 5.5	Trên 4.5
GTEC	Trên 1190	Trên 1075
TEAP	Trên 309	Trên 267
TEAP CBT	Trên 600	Trên 510
Kỳ thi Anh ngữ Cambridge	Trên 160	Trên 150
Kỳ thi Anh ngữ Eiken	Trên 2300	Trên 2125

(2) Đối với sinh viên năm 2 ~ năm 4 sẽ dựa vào kết quả học tập mỗi học kỳ để chọn.

Miễn giảm toàn phần

Tổng điểm GPA từ 3,0 trở lên

Miễn giảm một nửa

Tổng điểm GPA trên 2,5; sinh viên không thuộc đối tượng miễn giảm toàn phần

※ Trường hợp số sinh viên đạt tiêu chuẩn miễn giảm quá 10 người, sẽ quyết định theo thứ hạng thành tích.
※ Trên đây là chế độ của năm tài chính 2025. Nếu có sự thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo trên website của nhà trường.

Sử dụng chế độ “Công nhận nhập học trước khi sang Nhật”

Công nhận nhập học trước khi sang Nhật là chế độ cho phép thí sinh tham gia kỳ thi tuyển sinh của các trường đại học tại Nhật Bản, và lấy được công nhận nhập học mà không cần rời khỏi đất nước của mình. Trong kỳ thi tuyển sinh dành cho du học sinh người nước ngoài, nhà trường thiết lập địa điểm tổ chức thi tại Hàn Quốc - Malaysia (tuyển sinh thông thường) và Việt Nam - Thái Lan - Malaysia (tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi giới thiệu), sử dụng kết quả của “Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)” (thí sinh đã dự thi ở ngoài Nhật Bản) do Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) thực hiện, và tiến hành chế độ Công nhận nhập học trước khi sang Nhật cho thí sinh. Nếu sử dụng chế độ này, thí sinh có thể dự thi và lấy được công nhận nhập học mà không cần đến Nhật.

Có thể nhận được học bổng của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO).

Đối với những thí sinh sử dụng chế độ Công nhận nhập học trước khi sang Nhật, nhà trường có “Chế độ xin nhận trước học bổng khuyến học dành cho du học sinh (do trường đại học giới thiệu)” của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO), và thí sinh có thể nhận được tiền học bổng.

Tham khảo: Khoản tiền học bổng năm tài chính 2025 là 48.000 yên x 12 tháng (Kỳ nhập học mùa xuân) hoặc 6 tháng (Kỳ nhập học mùa thu)

Học bổng dành cho du học sinh tư phí nước ngoài

Tuy trường không có chế độ học bổng của riêng mình dành cho đối tượng là du học sinh tư phí người nước ngoài, nhưng trường có cơ chế giới thiệu đến Bộ Giáo dục, Văn hóa, Khoa học và Công nghệ, Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản, và các Quỹ học bổng của các tài đoàn khác. Các học bổng dành cho đối tượng là du học sinh tư phí người nước ngoài đã gửi yêu cầu nhờ trường giới thiệu trong các năm trước như danh sách dưới đây.

•Học bổng học tập dành cho du học sinh tư phí người nước ngoài của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản

•Học bổng của Quỹ quốc tế thành phố Fukuoka thuộc Quỹ giao Lưu Quốc tế Fukuoka Yokatopia

•Học bổng giáo dục anh tài dành cho du học sinh và giáo viên thành phố Fukuoka thuộc Quỹ giao Lưu Quốc tế Fukuoka Yokatopia

•Học bổng Cha Mẹ nuôi của du học sinh Châu Á Fukuoka của Trung tâm giao Lưu Quốc tế tỉnh Fukuoka

•Học bổng của Quỹ học bổng Kỷ niệm Rotary Yoneyama

•Học bổng dành cho du học sinh nước ngoài của Quỹ Hòa bình Nakajima

•Học bổng dành cho du học sinh tư phí của Tài đoàn SGH

•Học bổng dành cho du học sinh JIES (du học) của Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản

•Học bổng thông thường của Quỹ học bổng Quốc tế Assuran

•Học bổng dành cho du học sinh châu Á của Quỹ Kỷ niệm Shiiki Masakazu

※Trường hợp nếu có những học bổng khác có thể nộp đơn xin thì chúng tôi sẽ gửi mail hướng dẫn.



Về kỳ thi tuyển sinh



Có hình thức tuyển sinh chung dành cho du học sinh người nước ngoài và tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi du học sinh nước ngoài.

Thi tuyển theo hình thức nào cũng cần thiết phải có kết quả thi của “Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)” (thi tại nước khác ngoài Nhật Bản). Ngoài ra, thí sinh có thể sử dụng chế độ cấp phép nhập học trước khi sang Nhật Bản, là cơ chế cho phép dự thi và nhận được quyết định nhập học mà không cần sang Nhật Bản.

	Tuyển sinh chung	Tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi
Thời gian nhập học	Tháng 4 năm 2026	
Ngành học tuyển sinh	Ngành Giáo dục Quốc tế/ Ngành Khoa học môi trường/ Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	
Số lượng tuyển sinh	20 người*	vài người*
Ngày thi	14/12/2025	tùy theo địa điểm thi
Địa điểm thi	• Nhật Bản (Đại học Nữ sinh Fukuoka) • Hàn Quốc (Seoul) • Malaysia (Kuala Lumpur)	• Việt Nam (Hà Nội) • Thái Lan (Bangkok) • Malaysia (Kuala Lumpur)
Phương pháp tuyển sinh và Điểm thi	• Bài tiểu luận: 150 điểm • Phỏng vấn: 150 điểm • Chứng chỉ/ Kì thi trình độ tiếng Anh **: 100 điểm • Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU): 600 điểm	• Xét hồ sơ: 150 điểm • Phỏng vấn: 150 điểm • Chứng chỉ/ Kì thi trình độ tiếng Anh **: 100 điểm • Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU): 600 điểm
Những điểm cần lưu ý khác	—	

* Số lượng tuyển sinh cho kỳ thi tuyển sinh thông thường (20 người) bao gồm số lượng tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi giới thiệu (vài người).
** Cần có Chứng chỉ/ Kì thi trình độ tiếng Anh ①TOEFL iBT® ②TOEIC® Listening & Reading Test và TOEIC® Speaking & Writing Tests ③IELTS ④GTEC (4 kỹ năng).
⑤TEAP ⑥TEAPCBT ⑦Kỳ thi Anh ngữ Cambridge ⑧Kỳ thi Anh ngữ Eiken (Điểm số của Chứng chỉ/ Kì thi trình độ tiếng Anh sẽ được cộng vào điểm thi của trường. Tuy nhiên, trường hợp nộp nhiều Giấy chứng nhận của các Chứng chỉ/ Kì thi trình độ tiếng Anh thì sẽ lấy điểm số cao nhất để cộng.)

Đề thi các năm trước và đề án tuyển sinh có tại đây

Chỉ tiết vui lòng xác nhận thông qua đề án tuyển sinh

Dành cho các bạn muốn xem bộ đề những năm trước
http://www.fwu.ac.jp/exam_info/kakomon.html



Dành cho các bạn muốn xem hướng dẫn tuyển sinh
http://www.fwu.ac.jp/exam_info/foreign_students.html



Về các môn thi của kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)

Các môn thi có đánh dấu “○” trong bảng dưới đây là những môn thi bắt buộc.

Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) (※1)

Môn thi	Ngành Giáo dục Quốc tế	Ngành Khoa học môi trường	Ngành Thực phẩm và Sức khỏe
Tiếng Nhật (※2)	○	○	○
Lý Hoá Sinh	—	○	○
Môn tổng hợp	○	—	—
Toán (※2)	Course 1 △ (※3)	—	—
	Course 2 △ (※3)	○	○

※1 Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)

• Ngôn ngữ trong đề thi là tiếng Nhật hoặc tiếng Anh (có thể lựa chọn)

• Chỉ dành cho những thí sinh dự thi trong vòng 2 năm kể từ ngày thi đại học

• Nếu bạn muốn nhập học trước khi sang Nhật, hãy tham gia kỳ thi bên ngoài Nhật Bản

※2 Điểm số môn “Tiếng Nhật” và “Toán” sẽ được cộng vào điểm thi của trường.

※3 Thí sinh dự thi Ngành Giáo dục Quốc tế hãy chọn thi Course 1 hoặc Course 2.

Lệ phí dự thi là bao nhiêu?

Lệ phí thi tuyển của du học sinh là 5.000 Yên. Hãy xác nhận phương thức thanh toán trong mục Hướng dẫn tuyển sinh.

Hãy cho biết số lượng thí sinh dự thi và điểm số của người trúng tuyển.

Hãy tham khảo bảng dưới đây. Tuy nhiên, chúng tôi không công bố điểm chuẩn trúng tuyển.

Phân loại nhập học		Ngành học	Số lượng tuyển sinh	Số thí sinh nộp đơn thi	Tỷ lệ ứng tuyển	Số thí sinh trúng tuyển	Số sinh viên nhập học	
Tuyển sinh dành cho du học sinh nước ngoài	Tuyển sinh thông thường	Ngành Giáo dục Quốc tế	12	22	20	18	11	
		Ngành Khoa học môi trường	5	2	1	1	1	
		Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	3	2	0	—	—	
		Tổng số	20	26	21	19	12	
		Trong đó Công nhận nhập học trước khi sang Nhật Dự tuyển ngoài nước Nhật	Ngành Giáo dục Quốc tế	—	16	15	14	7
			Ngành Khoa học môi trường	—	1	0	—	—
			Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	—	1	0	—	—
			Tổng số	—	18	15	14	7
	Tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi	Việt Nam	Ngành Giáo dục Quốc tế	*vài người	3	3	3	0
			Ngành Khoa học môi trường	*vài người	0	—	—	—
			Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	*vài người	0	—	—	—
			Tổng số	*vài người	3	3	3	0
		Thái Lan	Ngành Giáo dục Quốc tế	*vài người	2	2	2	2
			Ngành Khoa học môi trường	*vài người	0	—	—	—
			Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	*vài người	0	—	—	—
			Tổng số	*vài người	2	2	2	2
		Malaysia	Ngành Giáo dục Quốc tế	*vài người	1	1	1	1
			Ngành Khoa học môi trường	*vài người	0	—	—	—
			Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	*vài người	0	—	—	—
			Tổng số	*vài người	1	1	1	1
	Tổng số	Ngành Giáo dục Quốc tế	12	28	26	24	14	
		Ngành Khoa học môi trường	5	2	1	1	1	
		Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	3	2	0	—	—	
		Tổng số	20	32	27	25	15	

* Số lượng tuyển sinh cho kỳ thi tuyển sinh thông thường (20 người) bao gồm số lượng tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi giới thiệu (vài người).

Phân loại nhập học		Tuyển sinh thông thường dành cho du học sinh nước ngoài		
Ngành học		Ngành Giáo dục Quốc tế		
Phân loại		Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất	Điểm trung bình
Tổng điểm (điểm hoán đổi)		821	609	723.1
Điểm Kỳ thi du học Nhật Bản (điểm gốc)	Tổng điểm	727	478	591.6
	Tiếng Nhật, bao gồm bài thi “Viết”	408	268	354.9
	Môn tổng hợp	184	81	142.4
	Toán học Course 1	161	49	99.7
	Toán học Course 2	—	—	—
Thang điểm	Tổng số điểm	1000		
	Cụ thể	• Bài tiểu luận 150 điểm • Phỏng vấn 150 điểm • Chứng chỉ/ Kỳ thi trình độ tiếng Anh 100 điểm • Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) 600 điểm		

※Ngành Khoa học Môi trường do số thí sinh trúng tuyển rất ít nên không công bố

Làm thế nào để nộp hồ sơ ứng tuyển?

Chỉ có thể nộp hồ sơ ứng tuyển qua Internet.
Vui lòng truy cập trang web của trường qua mục “Đăng ký dự thi qua Internet” hoặc tại đây.

Nộp hồ sơ qua Internet
<https://www.postanet.jp/info/011030>

